

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về Hội nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 04 tháng 11 năm 2022;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Tuy Hòa tại Văn bản số 865/BQL ngày 17 tháng 5 năm 2022 và hồ sơ Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án “Nâng cấp, sửa chữa lò mổ gia súc, gia cầm thành phố Tuy Hòa” đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định họp ngày 11 tháng 7 năm 2022 (kèm theo Văn bản số 1651/BQL ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Tuy Hòa);

Xét Văn bản số 3604/STNMT-MT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát thủ tục cấp Giấy phép môi trường, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 470/TTr-STNMT ngày 21 tháng 10 năm 2022 và Báo cáo thẩm định số 595/BC-STNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Tuy Hòa, địa chỉ tại 04 Trần Hưng Đạo, Phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nâng cấp, sửa chữa lò mổ gia súc, gia cầm thành phố Tuy Hòa” tại Phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

- 1.1. Tên dự án: Nâng cấp, sửa chữa lò mổ gia súc, gia cầm thành phố Tuy Hòa.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- 1.3. Chủ trương đầu tư: Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND thành phố Tuy Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
- 1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giết mổ gia súc, gia cầm.
- 1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án (theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND thành phố Tuy Hòa):

Tổng diện tích dự án là 1,2 ha với quy mô, công suất như sau:

- Quy mô sản xuất (con/ngày): 15 con bò, 70 con heo và 200 con gia cầm.
- Quy mô đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải: Làm mới hệ thống xử lý nước thải; nâng cấp hồ chứa nước bằng bê tông cốt thép (diện tích 3 hồ khoảng 5.000 m²); thay mới mái tole nhà giết mổ, diện tích 1.250 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Tuy Hòa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Tuy Hòa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Tuy Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Tuy Hòa tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- BQL dự án ĐTXD TP Tuy Hòa;
- Các Sở: TNMT, XD, NNPTNT;
- UBND TP Tuy Hòa;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT, To, Th_{TM}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Phú Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,3$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, sau đó qua hồ sinh học trước khi thải ra rãnh thoát nước phía Đông Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải: X= 12166063,9; Y= 1470306,4.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 36 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Hình thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đạt QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,3$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (Cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,3$)	QCVN 40: 2011/BTNMT (Cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc liên tục
1	pH	mg/l	6-9	6-9	06 tháng/ lần	Không
2	BOD ₅	mg/l	40	-		
3	COD	mg/l	100	-		
4	TSS	mg/l	50	-		
5	Tổng Nito	mg/l	50	-		
6	Tổng P	mg/l	-	4		
7	Coliform	MPN/100ml	3.000	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải chung.

- Nước thải từ hoạt động giết mổ → Hố thu → Hệ thống xử lý nước thải → Đạt QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,3$) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,2$), sau đó qua hồ sinh học trước khi thải ra rãnh thoát nước phía Đông Nam.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ:

Nước thải từ lò mổ → Bể thu gom → Bể điều hòa/Bể thu mỡ → Bể oxy hóa → Bể tách mỡ → Bể UASB → Bể anoxit → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể lọc → Hồ sinh học → Rãnh thoát nước phía Đông Nam.

- Công suất thiết kế: 48 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo viên: 0,01 kg/ngày; H₂O₂: 30 kg/ngày.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

- Thực hiện nghiêm phương án, quy định về phòng chống cháy nổ tại khu vực dự án.

- Không hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện vào khu vực dễ gây cháy.

- Quản lý việc sử dụng các thiết bị điện đúng kỹ thuật, tránh sử dụng điện quá tải làm ảnh hưởng hệ thống điện toàn công trình.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động hệ thống xử lý nước thải, nếu phát hiện sự cố đề nghị có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Tuân thủ nghiêm quy trình kỹ thuật, theo dõi sát các hoạt động của hệ thống xử lý cũng như được đào tạo về chuyên môn vận hành.

- Thường xuyên thu gom rác thải nhằm hạn chế rác bị cuốn theo nước mưa xuống cống rãnh làm tắc nghẽn, gây vỡ đường ống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến hoàn thành các công trình hạng mục và đưa dự án đi vào hoạt động: Vào Quý I/2023.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải: Khoảng tháng 6 năm 2023.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải: Tháng 12 năm 2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

a) Vị trí lấy mẫu: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đạt QCVN 62-MT:

2016/BTNMT (cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,3$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (Cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,3$)	QCVN 40: 2011/BTNMT (Cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,2$)
1	pH	mg/l	6-9	6-9
2	BOD ₅	mg/l	40	-
3	COD	mg/l	100	-
4	TSS	mg/l	50	-
5	Tổng Nitơ	mg/l	50	-
6	Tổng P	mg/l	-	4
7	Coliform	MPN/100ml	3.000	-

c) Tần suất lấy mẫu: 06 tháng/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Phú Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang, dầu máy, nhớt; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải...

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 0,5 kg/ngày.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Thành phần chủ yếu: Túi nylon, hộp xốp, giấy, lon đựng thức ăn nước uống, chai nhựa, thực phẩm thừa...

- Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,5 kg/ngày đêm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh:

- Thành phần chủ yếu rác thải sản xuất gồm: Phân (khu nhốt, phân thải từ lòng khu giết mổ), thức ăn thừa, lông, móng, xương vụn, thịt vụn, da bò... và một phần lòng không sử dụng được từ dây chuyền giết mổ.

- Khối lượng chất thải:

+ Phân bò, lợn ước tính 115,4 kg/ngày; lượng lông, da, móng, lòng thải... ước tính 2.250 kg/ngày; thức ăn thừa (*khu giữ lợn và khu giữ trâu bò*) ước tính 5kg/ngày.

+ Chất thải từ động vật dịch bệnh: Thành phần chủ yếu là xác gia súc, gia cầm chết do bệnh hay nghi bệnh; các loại thịt, phủ tạng có bệnh tích,... Khối lượng các loại xác gia súc, gia cầm chết do bệnh hay nghi bệnh, các loại thịt, phủ tạng có bệnh tích,... ước tính khoảng 5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) *Thiết bị lưu chứa*: Loại thùng rác nhựa cứng có nắp đậy, có dán nhãn “Chất thải nguy hại”, đậy nắp cẩn thận để tránh nước mưa vào gây ô nhiễm môi trường.

b) *Công trình lưu giữ*: Lưu trữ tại kho chứa của dự án.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) *Thiết bị lưu chứa*: Thùng rác có nắp đậy.

b) *Công trình lưu giữ*: Rác thải sinh hoạt được thu gom chứa trong thùng rác, sau đó hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển về bãi chôn lấp trên địa bàn tỉnh để xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất:

a) *Thiết bị lưu chứa:* Thùng rác có nắp đậy.

b) *Công trình lưu giữ:* Chứa trong nhà kho, có kích thước 6 x 22,3m; kết cấu tường chịu lực, mái lợp tôn dày 0,45mm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Định kỳ lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý, đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi có sự cố xảy ra, tùy theo mức độ mà chủ đầu tư sẽ tự xử lý hoặc báo cho cơ quan chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời đúng theo quy định./.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Phú Yên)

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Tuy Hòa thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành có liên quan về môi trường; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án theo quy định pháp luật.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Thu gom toàn bộ chất thải rắn, nước thải và xử lý đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan theo quy định.
- Thực hiện Chương trình quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện, vận hành dự án./.